

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **421/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/08/2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **08** năm **2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình về “Ly hôn, nuôi con” thụ lý số: 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/06/2024, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/08/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐHPT-ST ngày 19/08/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: thôn E, xã Q, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Số nhà F, xóm N, thôn A, xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh Trần Viết T1, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: thôn E, xã Q, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: thôn T, xã H, huyện C, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T xin vắng mặt; anh Trần Viết T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1 kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, Thành phố Hà Nội ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh T1 tại thôn T, xã H, huyện C.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 03 năm, sau đó giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh T1 chơi bời không chăm lo cho gia đình, chị T đã khuyên bảo anh T1 nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T1 nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1 có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Khánh H, sinh ngày 02/4/2013 và Trần Quyết T2, sinh ngày 28/08/2015. Khi ly thân, chị T dẫn cả hai con đi cùng và trong thời gian ly thân anh T1 cũng không cấp dưỡng về kinh tế để chị T nuôi con chung. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Việc anh T1 muốn đón con về nuôi chị T không cản trở vì gia đình chị T và gia đình anh T1 ở gần nhau.

Hiện nay, chị T đang mở cửa hàng S và có hai cơ sở. Thu nhập bình quân là 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng một tháng. Chị T và các con đang ở cùng nhà với mẹ đẻ chị T ở thôn A, xã H, huyện C.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

* Anh Trần Viết T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày.

* Tại biên bản ghi ý kiến của bà Dương Thị Đ, sinh năm 1940 là bà ngoại của anh Trần Viết T1 có ý kiến:

Anh Trần Viết T1 sau khi kết hôn với chị Nguyễn Thị T thì về chung sống tại thôn T, xã H, huyện C trên diện tích đất do bà Đ cho. Sau đó bà không biết nguyên nhân anh T1 và chị T mâu thuẫn với nhau như thế nào mà chị T dẫn theo 02 con chung là cháu Khánh H và cháu Quyết T2 đi mấy năm nay không về, chỉ có anh T1 cuối tuần hay đón cháu H và cháu T2 về nhà chơi. Hiện anh T1 đi làm nghề giao hàng, hàng ngày khoảng 10 giờ đêm mới về.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của con chung: Cháu Nguyễn Khánh H và cháu Quyết T2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xin được vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Viết T1 và giữ nguyên nguyện vọng muốn nuôi 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh H và cháu Trần Quyết T2 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; chị Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Anh Trần Viết T1 chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và cho chị T được ly hôn anh Trần Viết T1; *về con chung:* Đề nghị giao cháu 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh H, sinh ngày 02/4/2013 và Trần Quyết T2, sinh ngày 28/08/2015 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có quyết định khác; *về tài sản chung, công sức, công nợ:* Không xem xét; *về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1 đều có hộ khẩu thường trú tại: thôn E, xã Q, huyện C, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[1.2] Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt và anh Trần Viết T1 vắng mặt. Đây là phiên tòa lần thứ 02 nên việc vắng mặt anh Trần Viết T1 tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1 kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh T1 không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm

2021 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

Xét thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Việt T1 đã ly thân được một thời gian tương đối dài, trong thời gian ly thân cả hai (*chị T, anh T1*) đều không có giải pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1 nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và cho chị T được ly hôn anh T1 để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Việt T1 có 02 (*Hai*) con chung là: Trần Nguyễn Khánh H, sinh ngày 02/4/2013 và Trần Quyết T2, sinh ngày 28/08/2015. Hiện nay, cả 02 con chung là Khánh H và Quyết T2 đang ở với chị T, ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, cả 02 con chung là Khánh H và Quyết T2 đang ở cùng chị T và do chị T nuôi dưỡng. Chị T và 02 con đang ở nhà bố mẹ đẻ chị T tại xã H, huyện C còn anh T1 ở tại xã H, hai xã (H và Hợp Đồng) có khoảng cách rất gần nhau nên việc giao con cho chị T hay cho anh T1 cũng không ảnh hưởng đến việc thăm nom, chăm sóc con chung. Cả hai con chung đang ở cùng chị T nên cần giao 02 con chung là Khánh H và Quyết Thắng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để các cháu ổn định cuộc sống.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trần Việt T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T. Anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Việt T1.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1 có 02 (Hai) con chung là: Trần Nguyễn Khánh H, sinh ngày 02/4/2013 và Trần Quyết T2, sinh ngày 28/08/2015.

Giao 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh H và Trần Quyết T2 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Anh Trần Viết T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trần Viết T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0002115 ngày 04 tháng 06 năm 2024) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Quảng Bị (Số:110/2012);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long